

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày **28/02/2025**

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 463/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX-TA ngày 13 tháng 01 năm 2025 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2025**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vương Văn G, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*-Tại đơn khởi kiện ghi ngày **04/10/2024** và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vương Văn G trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi (G) và bà Nguyễn Thị H sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã E, huyện EK, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/5/2008, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng, thông cảm cho nhau, không quan tâm và chăm sóc cho nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn gay gắt nên chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung Vương Hà P, sinh ngày 23/3/2009 và Vương Chí T, sinh ngày 01/7/2013. Từ ngày vợ chồng tôi ly thân thì 02 con chung sống cùng với tôi, ngoài ra bà H thường xuyên đi làm xa không có mặt ở nhà; tôi làm thợ sắt, thu nhập hàng tháng trung bình 15.000.000^d/tháng, **trong khi bà H không có việc làm ổn định**. Do đó, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung Phương và Tài đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị H nhưng đương sự đều có tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng quy định; Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông Vương Văn G được ly hôn với bà Nguyễn Thị H; Về con chung: giao con chung là Vương Hà P, sinh ngày 23/3/2009 và Vương

Chí T, sinh ngày 01/7/2013 cho ông Vương Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Vương Văn G khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: ông Vương Văn G và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/5/2008 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa ông G và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: ông Vương Văn G và bà Nguyễn Thị H chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài và ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống. Như vậy, xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông G xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Vương Văn G là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Theo kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn nhận thấy: hiện nay, ông G đang làm nghề thợ sắt, thu nhập ổn định, trong khi bà H không có việc làm ổn định. Ngoài ra, sau khi ly thân thì con chung Vương Hà P và Vương Chí T do ông G nuôi dưỡng, ổn định cuộc sống. Mặt khác, con chung là Phương và Tài đều có nguyện vọng được sống với ông G. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn ông G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vương Hà P, sinh ngày 23/3/2009 và Vương Chí T, sinh ngày 01/7/2013 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn ông Vương Văn G phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà H Soan Mlô nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000807 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử ông Vương Văn G được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Vương Hà P, sinh ngày 23/3/2009 và Vương Chí T, sinh ngày 01/7/2013 cho ông Vương Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung P và T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Vương Văn G phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà H Soan Mlô nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000807 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Ba

